

## BÁO CÁO

### Sơ kết tình hình thực hiện nhiệm vụ 9 tháng đầu năm và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2015

Quý III, ngành nông nghiệp triển khai thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện khó khăn như: Dịch cúm gia cầm phát sinh, nắng nóng kéo dài, lượng mưa ít làm thiếu nước cục bộ và gây thiệt hại trên 1.200 ha lúa Hè Thu; nông dân thiếu vốn sản xuất, giá các nguyên liệu và vật tư đầu vào duy trì ở mức cao, trong khi giá nhiều loại nông sản giảm và đứng ở mức thấp; việc liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn nhiều khó khăn; cùng với khó khăn của 6 tháng đầu năm, gây trở ngại cho việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của ngành. Nhưng được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, sự nỗ lực phấn đấu của toàn ngành và nông dân trong tỉnh nên nông nghiệp tiếp tục có bước phát triển, các công tác chuyên môn tiếp tục thực hiện thuận lợi và đạt được kết quả khả quan.

#### I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

##### 1. Về giá trị sản xuất:

Ước tổng giá trị sản xuất toàn ngành (giá năm 1994) 6.983 tỷ đồng, đạt 74,85% kế hoạch (năm trước 80,42%), tăng 0,82% so cùng kỳ. Trong đó:

- Nông nghiệp: 4.722,18 tỷ đồng, đạt 81,51%, tăng 3,13%
- Lâm nghiệp: 72,99 tỷ đồng, đạt 70,87% giảm 1,6%.
- Thủy, hải sản: 2.188,3 tỷ đồng, đạt 64,36%, giảm 3,77%

##### 2. Sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

###### a) Nông nghiệp:

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm 285.189 ha, đạt 97,77% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.517 ha, cụ thể:

- Cây lúa: Gieo trồng 237.321 ha, vượt 4,13% kế hoạch; thu hoạch 218.278 ha, năng suất trung bình 5,8 tấn/ha, cao hơn cùng kỳ 0,12 tấn/ha; sản lượng 1,27 triệu tấn, đạt 97,76% kế hoạch. Trong đó, thu hoạch dứt điểm vụ Thu Đông – mùa và Đông Xuân, diện tích, năng suất, sản lượng đều tăng so cùng kỳ, vụ Hè Thu thu hoạch 60.181 ha, đạt 76% diện tích xuống giống (chậm hơn cùng kỳ 15%). Riêng vụ Thu Đông – mùa 2016 đến nay xuống giống được 48.116 ha, đạt 54% kế hoạch, chậm hơn cùng kỳ 30% (tương đương 21.594 ha). Nhờ thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo sâu bệnh và các mô hình phòng, trừ bệnh hại lúa; thông báo, hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời nên diện tích nhiễm sâu bệnh không đáng kể. Duy trì được 17 mô hình cánh đồng mẫu, diện tích 3.367 ha, có 03 doanh nghiệp tham gia

cung ứng vật tư đầu vào, năng suất bình quân 6,55 tấn/ha (cao hơn ngoài mô hình 0,95 tấn/ha), Công ty Lương thực Trà Vinh đã thu mua được 2.910 tấn.

Nhìn chung, sản xuất lúa 9 tháng đầu năm gặp không ít khó khăn như khô hạn, xì phèn. Tuy nhiên, được sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ của các ngành đã khắc phục được khó khăn như vận hành công điều tiết nước phục vụ sản xuất kịp thời nên không xảy ra thiệt hại và không ảnh hưởng đến năng suất trong vụ Thu Đông và Đông Xuân. Riêng vụ Hè Thu nắng nóng kéo dài, lượng mưa ít gây thiếu nước cục bộ, không có nước bơm tát làm cho 1.271 ha lúa mất trắng và 838 ha lúa bị giảm năng suất. Theo số liệu điều tra, giá thành sản xuất vụ Thu Đông – mùa là 3.833 đồng/kg, vụ Đông Xuân là 3.537 đồng/kg, ước tính vụ Hè Thu 4.297 đồng với giá bán theo các thời điểm giao động từ 5.300 – 5.500 đồng/kg đối với lúa khô và 4.050 – 4.400 đồng/kg đối với lúa tươi đảm bảo nông dân có lãi trên 30% so giá thành.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 8.661 ha, nâng tổng diện tích gieo trồng 9 tháng là 47.868 ha, đạt 75% kế hoạch, tương đương cùng kỳ, cụ thể: Màu lương thực 7.156 ha, màu thực phẩm 26.300 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 14.412 ha. Thực hiện 02 mô hình cánh đồng mẫu trên cây mía do Công ty mía đường Trà Vinh đầu tư và tiêu thụ sản phẩm, diện tích 44,65 ha (68 hộ), hiện mía đang trong giai đoạn 5,5 - 6 tháng tuổi, phát triển bình thường. Vận động nông dân chuyển đổi được 4.200 ha/9.000 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng bắp, đậu phộng, dưa hấu, rau các loại, trồng cỏ và nuôi thủy sản, hiệu quả tăng từ 1,5-2 lần so với trước khi chuyển đổi.

- Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định 68/2013/QĐ-TTg: Đến nay, các tổ chức tín dụng đã cho 87 khách hàng vay, với tổng dự nợ hơn 35 tỷ đồng đầu tư máy móc phục vụ sản xuất.

- Cây lâu năm:

+ Diện tích trồng mới trong quý là 116 ha, ước sản lượng thu hoạch 100.640 tấn. Nâng tổng diện tích vườn cây ăn trái 17.616 ha, ước sản lượng thu hoạch 207.425 tấn, đạt 84,67% kế hoạch; cây dừa diện tích trồng mới trong quý là 60 ha, sản lượng thu hoạch là 72.115 tấn. Nâng tổng diện tích cây dừa 9 tháng là 19.480 ha, ước sản lượng thu hoạch 194.947 tấn, đạt 85,45% kế hoạch.

+ Xây dựng 03 mô hình phòng trừ chổi rồng hại nhãn tại huyện Tiểu Cần và Cầu Kè, diện tích 07 ha. Đến nay, nhãn đã ra hoa và đang cho trái, tỉ lệ nhiễm bệnh còn từ 5-20%. Đơn vị chuyên môn tiếp tục hướng dẫn nông dân bón phân nuôi trái, phun thuốc phòng trị nhện và cắt tia chổi bị bệnh; kiểm tra tình hình bệnh đốm nâu trên cây thanh long, kết quả chưa phát hiện.

+ Kết hợp Hội làm vườn, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Càng Long, Công ty TNHH sản xuất chế biến nông thủy sản xuất khẩu Thuận Phong làm việc với UBND và nông dân xã Nhị Long và Nhị Long Phú về dự án trồng 100 ha xoài cát chu.

- Tổ chức 01 chuyên khám bệnh lưu động tại xã Nhị Long Phú, huyện Càng Long với 32 nông dân mang hơn 20 mẫu bệnh đến khám, tư vấn. Nâng tổng số 9 tháng tổ chức 02 chuyên khám bệnh lưu động tại huyện Cầu Kè và Càng Long, tư vấn qua điện thoại hướng dẫn phòng trị bệnh trên lúa, rau màu, cây có múi, cây ăn quả các loại, hoa kiểng,... cho hơn 187 lượt nông dân.

- Công tác sản xuất, cung ứng giống: Tổ chức liên kết, sản xuất và nhân giống lúa, diện tích 68,8 ha; nhân giống bưởi da xanh xen dứa, diện tích 0,7 ha được 6 tháng tuổi, phát triển tốt; thực hiện 02 mô hình nhân giống gà, số lượng 420 con, hiện đang trong giai đoạn sinh sản. Cung ứng 65,2 tấn lúa giống (8,3 tấn nguyên chủng) và 4.840 cây giống các loại.

- Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 quy định tiêu chí quy mô diện tích tối thiểu cánh đồng lớn và mức hỗ trợ cụ thể xây dựng cánh đồng lớn (thay thế Quyết định 01/2015/QĐ-UBND ngày 08/01/2015). Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định cụ thể hóa Nghị quyết 10/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội Đồng nhân dân tỉnh.

- Chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg: Tham mưu UBND tỉnh xây dựng Quyết định triển khai thực hiện Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội Đồng nhân dân. Đến nay, đã hoàn chỉnh, gửi Sở Tư pháp thẩm định.

### **3. Kết quả của thực hiện kế hoạch phát triển ngành chăn nuôi:**

Trong quý III, có 05 doanh nghiệp xin chủ trương đầu tư chăn nuôi 2.500 con bò sinh sản trên địa bàn huyện Trà Cú và Châu Thành, đến nay nhập về tỉnh được 296 con.

Về phát triển chăn nuôi tập trung: Hình thành 01 khu chăn nuôi tập trung ấp Sà Vân B, xã Ngọc Biên huyện Trà Cú đầu tư nuôi dê sinh sản quy mô 500 con, tuy nhiên, đến nay nhập nuôi 100 con dê giống Boer. Lũy kế đến thời điểm này hình thành được 02 khu chăn nuôi tập trung, gồm Xã Hưng Mỹ và ấp Sà Vân B, xã Ngọc Biên. Bên cạnh đó, từng bước phát triển được quy mô đàn vật nuôi của các hộ, cụ thể: Số lượng gia súc nuôi trên 20 con/hộ chiếm 18,5% tổng đàn; đàn gia cầm nuôi trên 200 con/hộ chiếm 24,4% tổng đàn, phát triển mạnh ở các huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần và Châu Thành. Phát triển thêm 21 trang trại chăn nuôi, nâng tổng số trang trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh lên 40 trang trại.

Trong quý, cúm gia cầm xảy ra tại 3 hộ chăn nuôi của xã Nhị Long Phú và xã Đại Phước, huyện Càng Long, đã làm chết và tiêu hủy 2.178 con gà và vịt nhưng nhanh chóng được khống chế, đến nay, đã qua 21 ngày không phát sinh ổ dịch mới. Theo số liệu điều tra đến ngày 01/7/2015, số lượng đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh như sau:

- Đàn heo: 315.857 con, đạt 85,37% KH, giảm 15.877 con so cùng kỳ.
- Đàn bò: 159.989 con, vượt 6,3%, tăng 20.829 con.
- Đàn trâu 1.102 con, đạt 97,52%, giảm 199 con.
- Đàn gia cầm: 4,5 triệu con, đạt 82,24%, tăng 223 ngàn con.

*Nhìn chung, tình hình chăn nuôi có bước phát triển và tăng so cùng kỳ, nhất là đàn bò và đàn gia cầm, do giá thị trường duy trì ở mức cao, nên người chăn nuôi đầu tư nuôi nhiều cùng với một số dự án đầu tư bò được triển khai tại địa phương; đàn gia cầm tăng do giá cả ổn định, ngoài ra, còn có nhiều mô hình chăn nuôi gà*

*thả vườn được đầu tư phát triển. Đàn heo giảm do con giống, thức ăn luôn đứng ở mức cao, người chăn nuôi không mạnh dạn đầu tư sợ rớt giá sẽ thua lỗ.*

Tập trung lực lượng tiêm phòng cúm gia cầm được 736.276 con gia cầm; tiêm phòng LMLM 33.815 con gia súc; tiêm phòng các loại bệnh thường xuyên 453.561 con gia súc; sử dụng 317 lít thuốc sát trùng phun xịt 308.365 m<sup>2</sup> chuồng trại của 7.572 lượt hộ chăn nuôi tại các vùng xảy ra dịch cúm. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay, tiêm phòng cúm 3,3 triệu con, đạt 72% tổng đàn; tiêm phòng LMLM 70.812 con gia súc; tiêm phòng các loại bệnh thường xuyên 786.126 con gia súc; sử dụng 8.486 lít thuốc sát trùng phun xịt 8,87 triệu m<sup>2</sup> chuồng của 233 ngàn lượt hộ chăn nuôi; thực hiện kiểm dịch 107.682 con gia súc, 2,2 triệu gia cầm, 693 tấn thịt, 18 triệu quả trứng.

Toàn tỉnh có 12 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung hoạt động ổn định, công suất giết mổ gia súc đạt 45,36% và gia cầm đạt 73,12%. Ngành nông nghiệp tiếp tục kết hợp xúc tiến kêu gọi doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ tập trung theo quy hoạch.

Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của UBND tỉnh.

Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ: Tổ chức triển khai Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, tổng hợp, xây dựng kế hoạch, tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đăng ký nhu cầu vốn thực hiện trong năm 2016.

#### **4. Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển ngành lâm nghiệp:**

Hoàn thành Phương án trồng rừng thay thế thuộc 02 dự án Trung tâm điện lực Duyên Hải và Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào Sông Hậu.

Triển khai trồng 40 ha rừng thuộc Dự án ứng phó biến đổi khí hậu; hoàn thành, nghiệm thu công tác trồng Bản thử nghiệm khu vực Cồn Vượt xã Hiệp Thạnh, diện tích 0,2 ha, tỷ lệ sống trên 95%; tổ chức trồng, chăm sóc 91.000 cây lâm nghiệp phân tán. Thực hiện khoán bảo vệ 3.067 ha rừng trên địa bàn huyện Cầu Ngang, Châu Thành và Duyên Hải, đạt 68,37% kế hoạch.

Tổ chức 215 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 03 trường hợp vi phạm, tiến hành xử lý theo quy định. Lũy kế đến nay tổ chức 571 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 09 trường hợp vi phạm, tiến hành xử lý theo quy định.

Tình hình sâu bệnh, thiệt hại: Rừng phi lao ấp Hồ Thùng, xã Đông Hải có 72,82 ha bị nhiễm bệnh (61,83 ha trồng năm 2002, tỷ lệ cây bị bệnh 18%; 11 ha trồng năm 2003, tỷ lệ cây bị bệnh 35%); khu bảo tồn hệ sinh thái rừng ngập mặn Long Khánh có 1.196 cây chết, chiều cao trung bình 9,8 m, đường kính trung bình 16 cm, nguyên nhân do bị sâu bệnh kết hợp ngập úng, úr phèn, lá rụng gây ra hiện tượng yếm khí.

#### **5. Kết quả của thực hiện kế hoạch phát triển ngành diêm nghiệp:**

Có 215 hộ sản xuất, diện tích 163,2 ha (giảm 30 ha so cùng kỳ). Sản lượng thu hoạch 1.723 tấn. Nâng tổng sản lượng thu hoạch 9 tháng là 14.358 tấn, cao hơn cùng kỳ 2.481 tấn.

## 6. Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển ngành thủy sản:

Nuôi trồng thủy sản: Diện tích thả nuôi trong quý 9.450 ha, thu hoạch 32.667 tấn. Lũy kế đến nay thả nuôi 40.993 ha, đạt 89,3% kế hoạch; thu hoạch 64.412 tấn, đạt 52,8% kế hoạch cả năm, cụ thể:

- Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 0,7 tỷ con tôm sú (2.917 ha), 1,2 tỷ con tôm chân trắng (2.233 ha), 45 triệu con cua biển (1.579 ha); thu hoạch 20.352 tấn. Lũy kế đến nay thả nuôi 2,17 tỷ con tôm sú (20.397 ha), 2,48 tỷ con tôm chân trắng (4.583 ha), 119,4 triệu con cua biển (12.578 ha), 170 tấn nghêu giống (25 ha). Thu hoạch 31.149 tấn, thấp hơn cùng kỳ 6.759 tấn, trong đó, tôm sú 10.458 tấn, tôm chân trắng 14.043 tấn, cua biển 5.637 tấn, còn lại là các loại thủy sản khác. Do thời tiết diễn biến khá phức tạp, nắng nóng kéo dài, nhiệt độ tăng cao, môi trường ao nuôi biến động làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, gây bệnh hoại tử gan tụy, phân trắng, đường ruột làm thiệt hại 483 triệu con tôm sú giống (chiếm 22,2%), diện tích 4.543 ha (chiếm 22,3%); 593 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 23,8%), diện tích 1.104 ha (chiếm 24%).

- Vùng nước ngọt: Thả nuôi 147 triệu con giống, diện tích 2.721 ha; thu hoạch 12.314 tấn. Lũy kế đến nay thả nuôi 220 triệu con giống các loại, diện tích 3.409 ha; thu hoạch 33.262 tấn (thấp hơn cùng kỳ 9.243 tấn), gồm cá lóc 19.133 tấn, cá tra 4.204 tấn, tôm càng xanh 336 tấn, còn lại là các loại khác.

Khai thác: Toàn tỉnh có 1.190 tàu khai thác được đăng ký, tổng công suất 83.831 CV (194 tàu có công suất từ 90 CV trở lên). Sản lượng khai thác trong quý 17.542 tấn (3.640 tấn tôm). Lũy kế đến nay 55.801 tấn (9.390 tấn tôm), đạt 67,23% kế hoạch, giảm 4.864 tấn so cùng kỳ, gồm:

- Khai thác nội đồng: 3.511 tấn (1.294 tấn tôm). Lũy kế đến nay 8.155 tấn (2.944 tấn tôm), đạt 56,2% kế hoạch, giảm 2.497 tấn.

- Khai thác hải sản: 14.031 tấn (2.346 tấn tôm). Lũy kế đến nay 47.646 tấn (6.446 tấn tôm), đạt 69,5% kế hoạch, giảm 2.367 tấn.

Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 6.695 tấn (3.256 tấn tôm), chế biến 3.612 tấn, tiêu thụ 2.645 tấn, kim ngạch xuất khẩu 14,8 triệu USD. Nâng tổng số đến nay thu mua 10.380 tấn (5.033 tấn tôm), chế biến 5.927 tấn, tiêu thụ 4.499 tấn, kim ngạch xuất khẩu 23 triệu USD.

Tổ chức lấy ý kiến hoàn chỉnh Quy trình kỹ thuật nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng và lịch thời vụ thả nuôi một số đối tượng thủy sản năm 2016. Thành lập tổ tư vấn hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm và giám sát tình hình bệnh để chủ động trong công tác phòng chống. Kiểm dịch 2,2 tỷ con tôm giống, cấp 815 giấy chứng nhận kiểm dịch; kiểm tra vệ sinh thú y 106 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 17 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y, 74 chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản; thực hiện 91 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 40 mẫu nước, 182 mẫu giáp xác phục vụ nuôi thủy sản.

Công tác giống: Cung ứng và giới thiệu địa chỉ uy tín cho người nuôi trên 08 triệu con giống các loại (tôm sú 4,4 triệu con, tôm thẻ 2 triệu con, cua biển 0,52 triệu con, cá lóc 1,12 triệu). Lũy kế đến nay sản xuất 10,27 triệu con giống các loại; cung ứng và giới thiệu địa chỉ uy tín cho người nuôi 10,74 triệu con giống (tôm sú 06 triệu con, tôm thẻ 2,9 triệu con, cá lóc 1,12 triệu con, cua biển 0,52 triệu con, tôm càng xanh 0,2 triệu con).

Hoàn chỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP: Xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt 194 trường hợp xin hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm thuyền viên. Tiếp nhận 05 hồ sơ xin vay vốn để đóng mới tàu cá; đã thẩm định, xét duyệt 03 hồ sơ, chuẩn bị tổ chức lấy ý kiến, trình UBND tỉnh.

## **7. Phát triển nông thôn:**

### **a) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:**

Công tác tuyên truyền: Tổ chức 535 cuộc tuyên truyền, vận động 19.882 lượt người dự. Nâng tổng số 9 tháng đã tổ chức 3.171 cuộc tuyên truyền lồng ghép về các tiêu chuẩn áp, hộ nông thôn mới, kế hoạch thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, vận động tham gia bảo hiểm y tế, vệ sinh môi trường,... cho 101.221 lượt người là hộ dân và đoàn thể; Kết hợp Đài Phát thanh – Truyền hình thực hiện 16 phóng sự về công tác xây dựng nông thôn mới.

Kết quả thực hiện nguồn vốn: Tổng nguồn huy động là 512,82 tỷ đồng, trong đó, vốn hỗ trợ trực tiếp là 89,9 tỷ đồng (ngân sách trung ương 72,9 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 17 tỷ đồng); vốn lồng ghép 390,25 tỷ đồng; vốn dân đóng góp 32,67 tỷ đồng. Thực hiện đầu tư 7 loại mô hình (chăn nuôi bò sinh sản, nuôi bò vỗ béo, nuôi bò thịt, nuôi heo sinh sản, nuôi dê sinh sản, nuôi tôm sú, trồng cỏ nuôi bò và trồng dừa) cho 17 xã điểm; xây dựng 43,32 km đường giao thông nông thôn, đầu tư xây dựng các công trình nhà văn hóa xã, sân bóng đá, nâng cấp trạm y tế xã... Kết quả giải ngân vốn hỗ trợ trực tiếp cho chương trình là 33,11 tỷ đồng, đạt 36,8%. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước còn hỗ trợ vay vốn tín dụng phục vụ đầu tư phát triển sản xuất, dẫn nước sạch, xây nhà,...) với số tiền gần 1.445 tỷ đồng.

Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí về nông thôn mới đối với 85 xã: Có 3 xã đạt 19/19 tiêu chí. Nâng tổng số đến nay có 18 xã đạt 19 tiêu chí (03 xã chưa có quyết định công nhận); 08 xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí; 32 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí; 27 xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí.

### **b) Các dự án bố trí dân cư:**

Dự án Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa: Phê duyệt hồ sơ mời thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục đường giao thông nông nội bộ, hệ thống thoát nước khu dân cư, điện trung thế, hạ thế và trạm biến áp; kiểm tra tiến độ thi công và nghiệm thu hoàn thành hạng mục san lấp mặt bằng lô 1. Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông thị trấn Tiểu Cần: Xin điều chỉnh bổ sung nguồn vốn; chuẩn bị hồ sơ rà phá bom mìn, vật nổ công trình; phối hợp UBND huyện hoàn thành công tác chi trả tiền bồi hoàn giải phóng mặt bằng. Dự án Di dân sạt lở áp Cồn Phụng xã Long Hòa: Kết hợp đơn vị tư vấn điều chỉnh hạng mục đường giao thông nông thôn; phối hợp với UBND xã vận động các hộ dân đóng góp, hiến đất xây dựng đường đê.

Công tác di dời dân: Phối hợp với UBND xã Trường Long Hòa họp xét duyệt các đối tượng được bố trí ổn định dân cư; hoàn thành hồ sơ, thủ tục di dời dân để hướng dẫn thực hiện.

c) Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Triển khai thực hiện 12 dự án, gồm 08 dự án đầu tư xây dựng cơ bản (hoàn thành 04 dự án; đang

thực hiện 03 dự án, khối lượng thực hiện đạt từ 50-95%, 01 dự án được duyệt báo cáo thiết kế kỹ thuật) và 04 dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp. Lắp đặt cho 3.440 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, nâng tổng số từ đầu chương trình đến nay lắp đặt cho 77.480 hộ sử dụng nước máy, nâng tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 78% (trong đó 52% hộ sử dụng nước sạch); giải ngân nguồn vốn đầu tư 18,9 tỷ đồng, đạt 93,3% kế hoạch.

d) Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề: Dự thảo Quyết định ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh gửi các Sở, ngành tỉnh và địa phương đóng góp ý kiến; tổ chức khai giảng 11 lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho 275 lao động nông thôn. Lũy kế đến nay tổ được 27 lớp cho 675 lao động, với các nghề như kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, tạo dáng cây cảnh... Nhìn chung, các lớp đào tạo nghề đã góp phần nâng cao được trình độ, tay nghề của lực lượng lao động nông thôn, ứng dụng vào sản xuất, nâng cao được năng suất và chất lượng sản phẩm, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của người dân ở nông thôn.

## **2. Kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước**

### **a) Công tác quy hoạch:**

Đã hoàn thành 02 quy hoạch gồm: Quy hoạch hệ thống đê bao, bờ bao ven sông Cổ Chiên và sông Hậu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2030; Quy hoạch bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2011-2020 và kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016-2020.

Hoàn thành rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch chi tiết chăn nuôi, các khu vực chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung đến năm 2020.

Đang rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông lâm diêm nghiệp và nuôi trồng thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030

Lập mới 03 quy hoạch: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; chuẩn bị tổ chức lấy ý kiến Quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; trình xin ý kiến đóng góp của Bộ chuyên ngành trước khi thông qua Hội đồng thẩm định quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

### **b) Tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật:**

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Tỉnh ủy ban hành 01 Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững và 01 Nghị quyết lãnh đạo phát triển ngành nghề nông thôn.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân ban hành 04 Nghị quyết về các lĩnh vực phát triển lâm nghiệp, phát triển tổ hợp tác sản xuất trên biển, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất, gắn với tiêu thụ nông sản và xây dựng cánh đồng lớn.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 03 Quyết định Quy phạm pháp luật về ban hành các quy định về phân cấp quản lý sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm và quản lý các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ; quản lý cảng cá, bến

cá và khu neo đậu tránh, trú bão cho tàu cá; quy định tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức hỗ trợ các loại vật tư, con giống, công trình xử lý chất thải để nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ.

Tham mưu UBND tỉnh xây dựng 04 Quyết định triển khai thực hiện 04 nghị quyết HĐND tỉnh, đồng thời xây dựng Nghị quyết Hội đồng Nhân dân về ban hành quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới.

c) Cải cách thủ tục hành chính:

Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Tư pháp rà soát, tổng hợp, bổ sung thủ tục hành chính theo quy định, đề xuất UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật. Thực hiện rà soát 27 văn bản quy phạm pháp luật quy định các chế độ chính sách thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của trung ương và 14 nghị quyết, quyết định của địa phương ban hành từ năm 2011 đến nay. Kết quả có 01 văn bản hết hiệu lực hoàn toàn, 02 văn bản không còn phù hợp, có văn bản mới thay thế.

Tiếp tục triển khai, duy trì nghiêm yết công khai trình tự thủ tục hành chính tại cơ quan (các thủ tục đang thực hiện, thủ tục mới sửa đổi, bổ sung) để người dân thuận tiện trong việc liên hệ, đồng thời, phân công cán bộ trực tiếp nhận và hướng dẫn người dân đăng ký thực hiện các loại thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị.

Tiếp và làm việc với Tổ công tác của Sở Nội vụ kiểm tra, rà soát việc thực hiện quy trình một cửa, một cửa liên thông. Qua kiểm tra Sở đã tổ chức khắc phục những hạn chế, thiếu sót. Đến nay, đã ban hành quy chế hoạt động của bộ phận tiếp nhận, trả kết quả và thành lập bộ phận tiếp nhận, trả kết quả theo cơ chế một cửa tại Văn phòng Sở.

d) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

Kết hợp địa phương thực hiện 58 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 78.492m, khối lượng đất đào đắp 288.510 m<sup>3</sup>. Lũy kế đến nay thực hiện 450 công trình, chiều dài 344.336 m, khối lượng 1,15 triệu m<sup>3</sup>, đạt 83,4% kế hoạch.

Tham gia nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng 23 công trình đê, kè, bờ bao, cống, bọng...; lập bản đồ bố trí công trình thủy lợi phục vụ xây dựng nông thôn mới cho các xã Châu Điền, Ninh Thái, Kim Hòa, Hòa Minh. Tổ chức nghiệm thu, bàn giao, đưa vào sử dụng công trình duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2015; lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình duy tu bảo dưỡng đê điều 2016.

Tổ chức 52 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 03 trường hợp vi phạm. Lũy kế đến nay thực hiện 137 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, xử lý 32 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê và buộc khôi phục lại hiện trạng.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Kế hoạch thực hiện đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2016 – 2020.



Hoàn thành Phương án ứng phó thiên tai theo Luật Phòng, chống thiên tai. Trình thẩm Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy định phân cấp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

e) Công tác xây dựng cơ bản:

Trong quý, hoàn thành 01 dự án, tiếp tục triển khai thực hiện 16 dự án, trong đó 04 dự án khởi công mới, 12 dự án chuyển tiếp, gồm 09 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 05 công trình đê, kè; 02 công trình dân dụng; giải ngân 16,57 tỷ đồng, lũy kế 9 tháng giải ngân 196,77 tỷ đồng đạt 64,86% kế hoạch.

f) Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:

Tổ hợp tác (THT): Phối hợp tổ chức 12 lớp tập huấn thành lập mới và củng cố tổ hợp tác (04 lớp củng cố). Nâng tổng số đến nay tổ chức 35 lớp (13 lớp củng cố), đạt 83,3% kế hoạch. Đến nay, toàn tỉnh 1.845 THT, với 36.500 tổ viên, cụ thể sản xuất lúa 1.000 THT; trồng màu và cây công nghiệp ngắn ngày 271 THT; cây ăn trái 75 THT; hoa kiểng 8 THT; chăn nuôi 226 THT; thủy sản 181 THT; dịch vụ tiêu thụ công nghiệp 84 THT.

Hợp tác xã (HTX): Tổ chức 04 lớp thành lập mới và củng cố HTX (02 lớp thành lập mới). Nâng tổng số đến nay tổ chức được 08 lớp (03 lớp thành lập mới), đạt 73%. Phối hợp hỗ trợ thành lập mới 03 HTX nông nghiệp, nâng tổng số đến nay, toàn tỉnh có 39 HTX, với 1.608 thành viên tham gia, giải quyết việc làm cho trên 600 lao động tại địa phương, diện tích đất tham gia HTX là 1.988 ha. Theo đánh giá sơ bộ có 07 HTX đạt loại khá, tập trung chủ yếu ở các HTX thủy sản và HTX hoạt động dịch vụ nông nghiệp; 12 HTX đạt loại trung bình; còn lại là các HTX hoạt động cầm chừng.

Kinh tế trang trại: Phát triển mới 12 trang trại, lũy kế đến nay toàn tỉnh có 108 trang trại, gồm 61 trang trại nuôi thủy sản, 40 trang trại chăn nuôi, 6 trang trại trồng trọt và 01 trang trại tổng hợp, tổng diện tích đất của trang trại là 470 ha, lao động thường xuyên là 475 người.

g) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá:

Thanh tra, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATTP 57 tàu cá, 155 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản, cấp 65 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP; đánh giá phân loại 57 tàu cá, 347 cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, thủy sản; thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 183 mẫu (44 mẫu nông sản, 139 mẫu thủy sản). Lũy kế đến nay tổ chức thanh tra, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATTP 80 tàu cá, 265 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; cấp 92 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP; đánh giá phân loại 80 tàu cá, 581 cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, thủy sản, kết quả xếp loại có 201 loại A, 225 loại B, 130 loại C, 55 cơ sở, tàu cá ngưng hoạt động; thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 463 mẫu (100 mẫu nông sản, 363 mẫu thủy sản).

Quản lý tàu cá, cảng cá:

- Kiểm tra an toàn kỹ thuật 194 tàu (09 tàu ngoài tỉnh), đăng ký 34 tàu, xóa bộ 14 tàu; cấp văn bản đóng mới, cải hoán tàu cá 29 trường hợp, cấp 63 sổ danh bạ (228 thuyền viên), cấp 139 giấy phép khai thác thủy sản, 53 giấy chứng nhận, xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu vào thị trường EU. Lũy kế đến nay

kiểm tra an toàn kỹ thuật 479 tàu (18 tàu ngoài tỉnh), đăng ký 90 tàu, xóa bộ 37 tàu; cấp văn bản đóng mới, cải hoán tàu cá 64 trường hợp, cấp 193 sổ danh bạ (821 thuyền viên), cấp 386 giấy phép khai thác thủy sản, 175 giấy chứng nhận, xác nhận nguyên liệu thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU.

- Tổ chức thu phí 3.803 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 3.890 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 270 triệu đồng. Lũy kế đến nay tổ chức thu phí 11.132 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 11.289 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 600 triệu đồng.

Thanh tra kiểm tra:

- Tuyên truyền pháp luật: Tổ chức 76 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, các quy định về ATTP nông, thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản, giống thủy sản cho 2.152 lượt người. Lũy kế đến nay tổ chức 192 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, các quy định về ATTP nông, thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản, giống thủy sản cho 5.885 lượt người.

- Kiểm tra xử lý vi phạm: Tổ chức thanh, kiểm tra các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, VSATTP đối với 29 cơ sở; 246 phương tiện vận chuyển giống thủy sản và 20 tàu cá; thu, phân tích kiểm tra chất lượng 30 mẫu thức ăn chăn nuôi; phát hiện, xử lý 49 trường hợp vi phạm. Lũy kế đến nay tổ chức thanh, kiểm tra 112 cơ sở sản xuất, ương dưỡng cây giống, kinh doanh thức ăn, thuốc thú y, giống thủy sản, vật tư nông nghiệp...; 272 phương tiện vận chuyển giống thủy sản và 235 tàu cá; thu, phân tích kiểm tra chất lượng 104 mẫu vật tư, giống, sản phẩm nông nghiệp; phát hiện, xử lý 77 trường hợp vi phạm.

h) Công tác phát triển khoa học công nghệ và khuyến nông:

Thực hiện khảo nghiệm và chọn dòng phân ly 04 bộ giống lúa (bộ triển vọng, A<sub>0</sub>, A<sub>1</sub>, Trà Vinh) với diện tích 0,4 ha để chọn giống có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh để khuyến cáo nhân rộng.

Thực hiện mô hình sinh sản và ương giống cá sặc rằn đã nghiệm thu với số lượng khoảng 200 kg cá giống; tổ chức cho học viên thực hành kỹ thuật sinh sản và ương giống cá lóc, kết quả thu được 200 ngàn con cá bột.

Triển khai xây dựng chương trình khoa học công nghệ trọng điểm ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020.

Tổ chức 136 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho 3.983 lượt người (trồng trọt 1.719 lượt người; chăn nuôi 1.019 lượt người; thủy sản 1.245 lượt người); phân công cán bộ trực tiếp tư vấn kỹ thuật sản xuất cho 6.885 lượt hộ, gồm các nội dung như kỹ thuật canh tác lúa 3 giảm 3 tăng, trồng dưa hấu, trồng ớt, trồng cam sành, trồng hoa lan cắt cành, quy trình phòng bệnh chổ rồng trên nhãn, kỹ thuật chăn nuôi... Lũy kế đến nay tổ chức 266 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho 7.740 lượt người (trồng trọt 2.214 lượt người, chăn nuôi 1.794 lượt người, thủy sản 3.188 lượt người, khí sinh học 544 lượt người); phân công cán bộ trực tiếp tư vấn kỹ thuật cho 9.679 lượt hộ; cấp phát 1.000 tờ tin khuyến nông, 150 sổ tay khuyến nông, 235 quyển tài liệu kỹ thuật, 44 bộ tranh công cụ, 950 tờ tài liệu bướm và 48 đĩa CD kỹ thuật các loại.

Tổ chức 11 cuộc tổng kết, hội thảo, tham quan các mô hình sản xuất có hiệu quả với 357 nông dân dự. Kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Việt Nam và Đài Phát thanh Truyền hình Trà Vinh thực hiện 10 chuyên mục, 02 phóng sự, 06 bản tin thời sự và 03 cuộc tọa đàm. Tổng thời lượng khoảng 380 phút.

Thực hiện các mô hình trình diễn về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản: Mô hình hỗ trợ máy cấy lúa và ứng dụng hệ thống thâm canh cải tiến trong sản xuất lúa (SRI); trồng thanh long ruột tím hồng; trồng lan cắt cành; nuôi tôm thẻ theo tiêu chuẩn VietGAP; nuôi hàu treo giàn bè trên sông; ....

## **II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ**

Bên cạnh những mặt đạt được trong sản xuất nông nghiệp và thực hiện các nhiệm vụ của ngành còn gặp những tồn tại, hạn chế sau:

- Việc triển khai thực hiện Quyết định 62 về liên kết xây dựng cánh đồng lớn còn khó khăn, bước đầu chỉ mới xây dựng được mô hình mẫu với diện tích không lớn (trên 3.500 ha) và chỉ liên kết được đầu vào đối với cây lúa; việc gắn kết với các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm còn ít, Công ty lương thực Trà Vinh tiêu thụ sản phẩm với sản lượng không nhiều (2.900 tấn).

- Thực hiện kế hoạch chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm khác, kết hợp nuôi thủy sản còn chậm và chưa đạt yêu cầu. Trong khi đó, việc sản xuất tự phát như trồng cam sành trên đất lúa, nuôi các lóc tràn lan gây ô nhiễm môi trường và phá vỡ quy hoạch, khó quản lý.

- Chăn nuôi tập trung phát triển còn chậm, hình thành được 2 khu/30 khu theo quy hoạch; đàn gia súc có quy mô 20 con/hộ và gia cầm quy mô trên 200 con/hộ, chiếm tỷ lệ còn thấp (mới đạt từ 18- 24%). Trong quý, doanh nghiệp chăn nuôi mới nhập về 265 con bò giống/tổng số 500 con.

- Việc ứng dụng khoa học, công nghệ mới trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến sau thu hoạch còn chậm, chưa kéo giảm giá thành sản phẩm; chất lượng sản phẩm không cao, đưa vào thị trường chủ yếu ở dạng thô, thiếu tính đột phá và giảm sức cạnh tranh trong việc liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức nhân rộng các mô hình có hiệu quả và bền vững như: Chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học, nuôi thủy sản theo hướng VietGAP, chuyển diện tích nuôi thủy sản theo hướng thâm canh và bán thâm canh còn chậm.

- Công tác tham mưu triển khai thực hiện các chính sách như: Liên kết xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg, giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg, phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, hỗ trợ giống để chuyển đổi diện tích đất trồng lúa sang trồng màu theo Quyết định số 580/QĐ-TTg, phát triển chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg còn chậm, thiếu vốn để hỗ trợ cho nông dân. Riêng chính sách giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg và phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP nông dân còn khó tiếp cận nguồn vốn.

- Chất lượng, hiệu quả hoạt động của hợp tác xã và tổ hợp tác còn nhiều mặt yếu kém, chưa chủ động, còn trong chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước. Kinh tế trang trại phát huy được hiệu quả, tuy nhiên phát triển chưa nhiều.

- Các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng bước đầu phát huy được hiệu quả. Tuy nhiên, công tác quản lý, duy tu bảo dưỡng còn hạn chế; thiếu vốn đầu tư các công trình trọng điểm.

- Công tác tập huấn, tuyên truyền vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm chỉ đạo thực hiện thường xuyên, nhưng tình trạng vi phạm còn nhiều.

- Nguồn vốn ngân sách phân bổ chậm làm ảnh hưởng đến công tác chuẩn bị cây giống phục vụ trồng rừng năm 2015.

### **III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 3 THÁNG CUỐI NĂM**

Trên cơ sở kết quả đạt được trong 9 tháng đầu năm và dự báo tình hình thực tế sản xuất ở địa phương. Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao, trong thời gian còn lại của năm 2015 ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

#### **1. Sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn**

a) Nông nghiệp:

- Trồng trọt:

+ Cây lúa: Tập trung hướng dẫn nông dân thu hoạch dứt điểm diện tích lúa Hè Thu còn lại trên đồng; hướng dẫn nông dân chăm sóc tốt diện tích lúa Thu Đông đã xuống giống, đồng thời đặc biệt quan tâm chỉ đạo xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2015-2016 theo lịch thời vụ, hướng dẫn nông dân sử dụng cơ cấu giống theo khuyến cáo; tiếp tục liên kết triển khai thực hiện cánh đồng lớn. Kết hợp địa phương tiếp tục chỉ đạo chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm khác, kết hợp nuôi thủy sản nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

+ Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Kết hợp địa phương thống nhất kết thúc gieo trồng màu năm 2015; hướng dẫn chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh gây hại; đồng thời triển khai kế hoạch trồng màu vụ Đông Xuân năm 2016 đặc biệt là diện tích màu phục vụ Tết nguyên đán.

- Chăn nuôi: Tập trung thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi, nhất là cúm gia cầm theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 2923/UBND-NN ngày 08/9/2015; tuyên truyền, hướng dẫn các hộ chăn nuôi tự tiêm phòng cho đàn gia cầm theo chủ trương của UBND tỉnh, đồng thời, tiếp tục tiêm các loại vaccine thường xuyên cho đàn gia súc; thực hiện quản lý đàn thông qua hình thức cấp sổ chăn nuôi; kết hợp địa phương quản lý vịt chạy đồng, tăng cường kiểm dịch động vật và kiểm soát giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm xuất nhập tỉnh. Tiếp tục triển khai xây dựng các điểm chăn nuôi tập trung, lò giết mổ tập trung theo quy hoạch. Triển khai thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và PTNT đăng ký nhu cầu vốn để triển khai thực hiện chính sách phát triển chăn nuôi nông hộ trong năm 2016 theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh. Theo dõi tình hình triển khai các dự án chăn nuôi tập trung theo các Giấy chứng nhận đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Lâm nghiệp: Tiếp tục theo dõi và triển khai kế hoạch trồng rừng năm 2015; triển khai thực hiện tía thưa rừng giống tại ấp Phước Thiện, xã Đông Hải; tiếp tục hợp đồng khoán, bảo vệ rừng tại các huyện Cầu Ngang, Châu Thành và Duyên Hải; tổ chức tuyên truyền công tác bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường tuần tra bảo vệ

rừng, kiểm soát lâm sản và tình hình mua bán, vận chuyển động vật hoang dã; xây dựng Phương án phòng cháy chữa cháy rừng năm 2016, khảo sát và triển khai thực hiện vệ sinh diện tích phòng cháy chữa cháy rừng mùa khô năm 2015-2016 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Thủy sản: Kết hợp các địa phương theo dõi tình hình thu hoạch các loại thủy sản thả nuôi, nhất là tôm sú, tôm thẻ, cá lóc, cá tra; hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích thả nuôi còn lại của năm 2015; tổ chức Hội nghị tổng kết nuôi trồng thủy sản vùng ngập mặn năm 2015 và triển khai kế hoạch 2016; quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, thức ăn dùng trong nuôi trồng thủy sản; kiểm tra điều kiện VSATTP đối với tàu cá, các cơ sở thu mua, sơ chế, bảo quản nguyên liệu thủy sản; tổ chức các cuộc tuyên truyền về Luật thủy sản, khai thác bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thực hiện thu mẫu giáp sát tại các tuyến sông đầu nguồn phục vụ nuôi thủy sản; hướng dẫn ngư dân trang bị đầy đủ các phương tiện cho tàu khai thác trước khi ra khơi trong mùa mưa bão.

## **2. Phát triển nông thôn:**

Tham mưu tổ chức Hội nghị sơ kết Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2015; kiểm tra 09 xã còn lại phân đầu đến cuối năm đạt chuẩn nông thôn mới; triển khai tập huấn công tác xây dựng nông thôn mới cho UBND các xã; phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện chuyên mục về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; chuẩn bị nội dung tham mưu tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo hướng dẫn của Trung ương và tổng kết 5 năm phong trào thi đua “Trà Vinh cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”.

- Các Dự án di dân: Tiếp tục triển khai thực hiện 03 dự án gồm di khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa; Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông thị trấn Tiểu Cần; Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa. Phối hợp UBND xã Trường Long Hòa tổ chức họp các hộ dân bóc thăm, phân lô nền đất ở, triển khai kế hoạch xây nhà và cấp tiền hỗ trợ di dời cho 85 hộ dân. Phối hợp UBND xã Đại Phước thẩm định, xét duyệt bổ sung các hộ dân vào dự án đã hoàn thành.

- Tổ chức thẩm định 04 làng nghề: Bó chôi xã Tân Hòa, làng nghề muối xã Dân Thành, làng nghề bánh tráng xã Nguyệt Hóa và làng nghề cốm dẹp xã Nhị Trường, trình UBND tỉnh phê duyệt. Kết hợp rà soát nhu cầu cầu học nghề của lao động nông thôn và xây dựng kế hoạch đào tạo nghề giai đoạn 2016 – 2020.

## **3. Tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:**

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân ban hành 02 Nghị quyết quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới và quy định mức hỗ trợ cho các hoạt động phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn trên địa bàn các xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Hoàn chỉnh trình UBND tỉnh ban hành 02 Quyết định thực hiện Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND và Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội Đồng nhân dân tỉnh.

#### **4. Công tác quản lý nhà nước:**

Kết hợp địa phương tiếp tục thực hiện hoàn thành công tác thủy lợi nội đồng năm 2015; vận hành công ngăn triều cường, tiêu úng, kiểm soát mặn đầu vụ đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất; xây dựng kế hoạch thực hiện các công trình duy tu bảo dưỡng đề điều năm 2016.

Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các công trình xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch vốn năm 2015. Đồng thời, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công, sớm hoàn thành các công trình, bàn giao đưa vào sử dụng; tập trung giải ngân hết các nguồn vốn được phân bổ.

Tổ chức tuyên truyền Luật Thủy sản, các quy định của pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, an toàn vệ sinh thực phẩm nông sản, thủy sản, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn thủy sản và phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn cho ngư dân trong mùa mưa bão.

Tiếp tục tổ chức 30 lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và nuôi thủy sản trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; tổ chức 05 lớp đào tạo TOT bồi dưỡng phương pháp khuyến nông. Tiếp tục phân công cán bộ kỹ thuật xuống địa bàn, tư vấn trực tiếp cho nông dân; theo dõi các mô hình đang thực hiện, tổ chức đánh giá, nhân rộng.

Tổ chức tuyên truyền, các quy định về ATTP nông sản, thủy sản cho cán bộ quản lý Nhà nước, các hộ sản xuất và người tiêu dùng; tổ chức thu mẫu kiểm soát VSATTP nông, thủy sản và kiểm soát dư lượng chất độc hại trong thủy sản nuôi; kiểm tra, đánh giá, phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông lâm thủy sản theo Thông tư 45/TT-BNNPTNT.

Duy trì hoạt động 165 trạm cấp nước, phấn đấu lắp đặt thêm cho 1.500 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh. Phấn đấu đến cuối năm có 79% tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh (53% sử dụng nước sạch).

Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

#### **IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 10**

##### **1. Sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn**

###### **a) Nông nghiệp:**

- Trồng trọt:

+ Cây lúa: Tập trung hướng dẫn nông dân thu hoạch dứt điểm diện tích lúa Hè Thu còn lại trên đồng, hướng dân nông dân chăm sóc tốt diện tích lúa Thu Đông, nhất là mô hình cánh đồng mẫu. Vận động nông dân thường xuyên thăm đồng để phát hiện và phòng trị kịp thời các loại sâu, bệnh. Kết hợp địa phương tiếp tục chỉ đạo chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm khác, kết hợp nuôi thủy sản nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

+ Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Kết hợp địa phương thống nhất kết thúc gieo trồng màu năm 2015. Triển khai kế hoạch trồng màu năm 2016, đặc biệt là diện tích màu phục vụ Tết nguyên đán.

- Chăn nuôi: Tập trung thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi, nhất là cúm gia cầm theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 2923/UBND-NN ngày 08/9/2015; kết hợp địa phương quản lý tình hình vịt chạy đồng, tăng cường kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ và vận chuyển gia súc, gia cầm xuất nhập tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và PTNT đăng ký nhu cầu vốn để triển khai thực hiện chính sách phát triển chăn nuôi nông hộ trong năm 2016 theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh. Theo dõi tình hình triển khai các dự án chăn nuôi tập trung của doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn tỉnh.

b) Lâm nghiệp: Tiếp tục theo dõi và triển khai kế hoạch trồng rừng năm 2015; triển khai thực hiện tía thừa rừng giống tại ấp Phước Thiện, xã Đông Hải; tiếp tục hợp đồng khoán, bảo vệ rừng cho các hộ dân; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và tình hình mua bán, vận chuyển động vật hoang dã; xây dựng Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2016.

c) Thủy sản: Kết hợp các địa phương theo dõi tình hình thu hoạch các loại thủy sản thả nuôi, nhất là tôm sú, tôm thẻ, cá lóc, cá tra; hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích thả nuôi còn lại của năm 2015; quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học dùng trong nuôi thủy sản; thực hiện thu mẫu giáp sát tại các tuyến sông đầu nguồn phục vụ nuôi thủy sản;

## **2. Phát triển nông thôn:**

Kiểm tra 09 xã còn lại phân đầu đến cuối năm đạt chuẩn nông thôn mới; triển khai tập huấn công tác xây dựng nông thôn mới cho BCĐ các xã; phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện chuyên mục về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Các Dự án di dân: Tiếp tục triển khai thực hiện 03 dự án gồm di khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa; Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông thị trấn Tiểu Cần; Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa. Phối hợp UBND xã Trường Long Hòa tổ chức họp các hộ dân bóc thăm, phân lô nền đất ở.

Tổ chức thăm định 04 làng nghề: Bó chổi xã Tân Hòa, làng nghề muối xã Dân Thành, làng nghề bánh tráng xã Nguyệt Hóa và làng nghề cốm dẹp xã Nhị Trường, trình UBND tỉnh phê duyệt.

## **3. Tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:**

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân ban hành 02 Nghị quyết quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới và quy định mức hỗ trợ cho các hoạt động phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn trên địa bàn các xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Hoàn chỉnh trình UBND tỉnh ban hành 02 Quyết định thực hiện Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND và Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội Đồng nhân dân tỉnh.

## **4. Công tác quản lý nhà nước:**

Kết hợp địa phương tiếp tục thực hiện hoàn thành công tác thủy lợi nội đồng năm 2015; vận hành công ngăn triều cường, tiêu úng, kiểm soát mặn đầu vụ đảm

bảo phục vụ tốt cho sản xuất; xây dựng kế hoạch thực hiện các công trình duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2016.

Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các công trình xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch vốn năm 2015. Đồng thời, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công, sớm hoàn thành các công trình, bàn giao đưa vào sử dụng.

Tổ chức tuyên truyền Luật Thủy sản, các quy định của pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, an toàn vệ sinh thực phẩm nông sản, thủy sản, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn thủy sản và phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn cho ngư dân trong mùa mưa bão.

Tiếp tục tổ chức 10 lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và nuôi thủy sản trên địa bàn các huyện, thị, thành phố. Tiếp tục phân công cán bộ kỹ thuật xuống địa bàn, tư vấn trực tiếp cho nông dân; theo dõi các mô hình đang thực hiện, tổ chức đánh giá, nhân rộng.

Tổ chức tuyên truyền, các quy định về ATTP nông sản, thủy sản cho cán bộ quản lý Nhà nước, các hộ sản xuất và người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh; tổ chức thu mẫu kiểm soát VSATTP nông, thủy sản và kiểm soát dư lượng chất độc hại trong thủy sản nuôi; kiểm tra, đánh giá, phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông lâm thủy sản theo Thông tư 45/TT-BNNPTNT.

Duy trì hoạt động 165 trạm cấp nước hiện có trên địa bàn, phấn đấu lắp đặt thêm cho 500 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh.

Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Trên đây là kết quả thực hiện kế hoạch 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2015 của ngành, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh nắm, theo dõi, chỉ đạo. /.

**Nơi nhận:**

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Ngọc Hải*





**BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN  
9 THÁNG NĂM 2015**

Mã số	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2015	Thực hiện quý III	Thực hiện Tháng 9	Ước TH 9 tháng năm 2015	% so sánh với		
							Cùng kỳ	Kế hoạch	
	Theo giá năm 1994	Tỷ đồng	6.926,87	9.330	2.520	6.983,47	100,82%	74,85%	
<i>a</i>	<i>Giá trị SX nông nghiệp</i>	"	4.578,75	5.827	1.278	4.722,18	103,13%	81,04%	
	- Trồng trọt	"	3.669,16	4.610	1.034	3.776,60	102,93%	81,92%	
	- Chăn nuôi	"	497,22	767	168	530,42	106,68%	69,16%	
	- Dịch vụ	"	412,38	450	76	415,15	100,67%	92,26%	
<i>b</i>	<i>Giá trị lâm nghiệp</i>	"	74,18	103	16	72,99	98,40%	70,87%	
<i>c</i>	<i>Giá trị sản xuất thủy sản</i>	"	2.273,95	3.400	1.226	2.188,30	96,23%	64,36%	
	- Khai thác hải sản	"	289,33	420	106	303,26	104,82%	72,29%	
	- Khai thác nội đồng	"	108,66	155	33	98,37	90,53%	63,47%	
	- Nuôi trồng thủy sản	"	1.737,55	2.646	1.021	1.650,14	94,97%	62,37%	
	- Dịch vụ thủy sản	"	138,41	180	67	136,53	98,64%	75,85%	
	Theo giá năm 2010	Tỷ đồng	20.296,14	26.970	7.210	20.349	100,26%	75,45%	
<i>a</i>	<i>Giá trị SX nông nghiệp</i>	"	14.333,49	18.100	4.351	14.771	103,05%	81,61%	
	- Trồng trọt	"	10.899,48	13.411	3.231	11.198,67	102,75%	83,50%	
	- Chăn nuôi	"	2.002,69	3.043	665	2.127,28	106,22%	69,90%	
	- Dịch vụ	"	1.431,32	1.645	455	1.444,94	100,95%	87,84%	
<i>b</i>	<i>Giá trị lâm nghiệp</i>	"	196,53	280	47	193,42	98,42%	69,08%	
<i>c</i>	<i>Giá trị sản xuất thủy sản</i>	"	5.766,12	8.590	2.812	5.385	93,39%	62,69%	
	- Khai thác hải sản	"	804,70	1.240	298	842,17	104,66%	67,90%	
	- Khai thác nội đồng	"	394,21	558	121	364,40	92,44%	65,26%	
	- Nuôi trồng thủy sản	"	4.541,88	6.754	2.387	4.153,58	91,45%	61,50%	
	- Dịch vụ thủy sản	"	25,33	37	7	24,87	98,18%	67,22%	
<b>A</b>	<b>SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP</b>								
<b>I.</b>	<b>TRỒNG TRỌT</b>								
<b>1</b>	<b>Cây hàng năm</b>								
	Tổng DT gieo trồng	Ha	283.672	291.707	8.661	3.372	285.189	100,53%	97,77%
<b>1.1.</b>	<b>Cây lương thực có hạt</b>	Ha	240.317	235.050	866	301	241.957	100,68%	102,94%
	<b>Cây lúa</b>								
	- Diện tích gieo sạ	Ha	235.878	227.900			237.321	100,61%	104,13%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	228.330	227.900			218.278	95,60%	95,78%



Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2015	Thực hiện quý III	Thực hiện Tháng 9	Ước TH 9 tháng năm 2015	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
Năng suất	Tạ/ha	56,80	56,95			58,03	102,16%	101,88%
Sản lượng	tấn	1.296.839	1.297.971			1.266.559	97,67%	97,58%
<b>Vụ Thu Đông-mùa 2014-2015</b>								
- Diện tích	Ha	89.202	87.400			89.209,38	100,01%	102,07%
- Năng suất	Tạ/ha	53,10	54,15			53,41	100,58%	98,64%
- Sản lượng	tấn	473.706	473.271			476.506	100,59%	100,68%
<b>Vụ Đông - Xuân</b>								
- DT gieo sạ	ha	66.448	63.500			68.888	103,67%	108,48%
- Diện tích thu hoạch	Ha		63.500			68.888		
- Năng suất bình quân	Tạ/ha	67,15	65,00			68,13	101,46%	104,81%
- Sản lượng	tấn	446.180	412.750			469.330	105,19%	113,71%
<b>Vụ Hè Thu</b>								
- DT gieo sạ	ha	80.228	77.000			79.224	98,75%	102,89%
- Diện tích thu hoạch	Ha	72.680	77.000	58.938	40.607	60.181	82,80%	78,16%
- Năng suất	Tạ/ha	51,86	53,50	53,16	52,81	53,29	102,75%	99,61%
- Sản lượng	tấn	376.953	411.950	313.290	214.433	320.723	85,08%	77,85%
<b>Vụ Thu Đông-mùa 2015-2016</b>								
- Diện tích	Ha	69.710	89.000	48.116	48.116	48.116	69,02%	54,06%
- Năng suất	Tạ/ha		5,42					
- Sản lượng	tấn		482.380					
<b>Cây màu</b>								
Diện tích gieo trồng	Ha	47.794	63.807	8.661	3.372	47.868	100,15%	75,02%
Diện tích thu hoạch	Ha	38.347	63.807	9.009	1.886	38.273	99,81%	59,98%
<b>Cây bắp</b>								
- Diện tích gieo trồng	Ha	4.439	7.150	866,0	301	4.636	104,44%	64,84%
- Diện tích thu hoạch	"	3.506	7.150	566,17	105	3.633	103,62%	50,81%
- Năng suất	Tạ/ha	54,80	54,50	56,39	54,4	56,80	103,65%	104,22%
- Sản lượng	Tấn	19.213	38.968	3.192	572	20.635	107,40%	52,95%
1.2. Cây có củ	Ha	2.567	3.387	742	243	2.520	98,17%	74,40%
<b>Khoai lang</b>								
- Diện tích gieo trồng	Ha	1.168	1.516	326,00	88	1.161	99,40%	76,58%
- Diện tích thu hoạch	"	798	1.516	136,64	17	805	100,90%	53,11%
- Năng suất	Tạ/ha	164,43	165,49	168,97	132,18	176,43	107,30%	106,61%





Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2015	Thực hiện quý III	Thực hiện Tháng 9	Ước TH 9 tháng năm 2015	% so sánh với	
								Cùng kỳ	Kế hoạch
1.	<b>Tổng diện tích nuôi</b>	Ha	44.609	45.900	9.450	3.554	40.993	91,89%	89,31%
1.1.	<b>Nuôi nước ngọt</b>	"	3.716	5.000	2.721	714	3.409	91,73%	68,17%
	- Diện tích nuôi cá	"	2.529,10	3.500	1.542	296	2.179,92	86,19%	62,28%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	14,05	40	7	7	10,1	71,89%	25,25%
	+ Cá lóc	"	222,14	290	90	12	205,39		70,82%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	1.147	1.500	1.179	418	1.229	107,10%	81,91%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	1.147	1.500	1.179	418	1.229	107,10%	81,91%
	- Diện tích nuôi khác	"	39,7		0	0	0	0,00%	
1.2.	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Ha	40.893	40.900	6.729	2.840	37.584	91,91%	91,89%
	- Diện tích nuôi cá	"							
	Trong đó: + cá giò, cá song	"							
	+ ...	"							
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	40.141	38.700,0	6.729,4	2.840,4	37.559	93,57%	97,05%
	Trong đó: + Tôm sú	"	19.408	19.900	2.917	1.272	20.397	105,10%	102,50%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	5.124	5.000	2.233	444	4.583	89,46%	91,67%
	+ Cua biển	"	15.610	13.800	1.579	1.124	12.579	80,58%	91,15%
	- Diện tích nuôi khác (nghe - sò huyết)	"	752	2.200	-	-	25	3,32%	1,14%
2.	<b>Thể tích nuôi lồng, bè</b>	m <sup>3</sup>							
	- Nuôi cá	"							
	- Nuôi giáp xác	"							
	- Nuôi nhuyễn thể	"							
3.	<b>Sản lượng con giống SX</b>	Triệu con							
	- Cá giống	"							
	- Tôm giống	"							
	- Nhuyễn thể giống	"							
4	<b>Tổng sản lượng thủy sản</b>	Tấn	141.078	204.925	50.209	20.485	120.213	85,21%	58,66%
4.1	<b>Tổng sản lượng nuôi</b>	Tấn	80.413	121.925	32.667	13.088	64.412	80,10%	52,83%
4.1.1	<b>Nuôi nước ngọt</b>	Tấn	42.505	65.500	12.314	6.166	33.262	78,26%	50,78%
	- Sản lượng cá	"	42.031	65.000	12.119	6.152	32.837	78,13%	50,52%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	6.341	15.500	3.154	1.870	4.204	66,29%	27,12%
	+ Cá lóc	"	21.926	29.500	5.191	2.585	19.133		64,86%
	- Sản lượng giáp xác	"	292	500	106	14	336	114,98%	67,24%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	292	500	106	14	336	114,98%	67,24%

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2015	Thực hiện quý III	Thực hiện Tháng 9	Ước TH 9 tháng năm 2015	% so sánh với	
								Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Sản lượng thủy sản khác	"	181		89	-	89	49,31%	
<b>4.1.2.</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	<b>Tấn</b>	<b>37.908,3</b>	<b>56.425</b>	<b>20.352</b>	<b>6.922</b>	<b>31.149,1</b>	<b>82,17%</b>	<b>55,20%</b>
	- Sản lượng cá nuôi	"							
	Trong đó: Cá giò, cá song	"							
	...								
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	37.011	50.425	19.498	6.767	30.138	81,43%	59,77%
	Trong đó: + Tôm sú	"	10.842	14.925	7.508	2.409	10.458	96,46%	70,07%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	19.637	25.500	8.373	2.367	14.043	71,52%	55,07%
	+ Nuôi cua biển	"	6.532	10.000	3.617	1.991	5.637	86,29%	56,37%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	897	6.000	854	155	1.011	112,68%	16,85%
<b>4.2</b>	<b>Tổng sản lượng khai thác</b>	<b>Tấn</b>	<b>60.665</b>	<b>83.000</b>	<b>17.542</b>	<b>7.398</b>	<b>55.801</b>	<b>91,98%</b>	<b>67,23%</b>
<b>4.2.1.</b>	<b>Khai thác biển</b>	<b>Tấn</b>	<b>50.013</b>	<b>68.500</b>	<b>14.031</b>	<b>6.464</b>	<b>47.646</b>	<b>95,27%</b>	<b>69,56%</b>
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	21.397	27.000	5.463	2.338	19.963	93,30%	73,94%
	Trong đó: - Loài ....	"							
	- ...	"							
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	8.261	8.500	2.346	495	6.446	78,03%	75,84%
	Trong đó: - Tôm...	"	8.261		2.346	495	6.446	78,03%	
	- ...	"							
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn							
	Trong đó: - Loài ....	"							
	- ...	"							
	+ SL hải sản khác khai thác	"	20.355	33.000	6.222	3.632	21.237	104,33%	64,35%
<b>4.2.2</b>	<b>Khai thác nội địa</b>	<b>Tấn</b>	<b>10.652</b>	<b>14.500</b>	<b>3.511</b>	<b>933</b>	<b>8.155</b>	<b>76,56%</b>	<b>56,24%</b>
	Trong đó: - Cá các loại	"	4.550	6.800	1.416	302	3.716	81,66%	54,64%
	- Tôm các loại	"	3.674	4.700	1.294	309	2.944	80,14%	62,64%
	- Nhuyễn thể các loại	"							
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"							
	- Thủy sản khác	"	2.428	3.000	801	323	1.495	61,58%	49,85%